VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 38, No. 4 (2022) 33-46

VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/PaM

Review Article

The Border Policy of the Nguyen Dynasty as Seen from Pham Than Duat's Work "Hung Hoa Summary"

Nguyen Van Kim, Tran Xuan Thanh*

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 28 October 2022
Revised 03 December 2022; Accepted 06 December 2022

Abstract: In the Nguyen Dynasty (1802-1945), inheriting the knowledge and legacy of the previous dynasties, the Hue court was always interested in the management of the border areas, particularly Hung Hoa, the northwest border region with a geo-strategic position of the country. Based on the study of the life and career of Pham Than Duat (1825-1885) and his works, especially "Hung Hoa Summary", the article focuses on clarifying the context, approach, and content of the geographic work, which has a rich and valuable scientific information content.

The real-world experiences Pham Than Duat had while adhering to the imperial court's directives as a Tuan Giao chief magistrate in the province of Hung Hoa during roughly two years (1855–1866) revealed his feeling of responsibility and dignity as a mandarin-intellectual–passionate patriot. In order to carry out his responsibilities and make insightful management judgments, he carefully examined the area's geography, residents, and cultural customs. His initiatives and programs not only help to maintain peace in the Hung Hoa region, one of the more ethnically diverse and politically difficult regions, but they also help to inspire locals to pursue personal and professional growth. encourage communication and interaction between ethnic groups in border regions. Because of the thoughts and contents it expresses, any scientists use the Hung Hoa summary as a valuable reference for researching remote locations, especially those in the Northwest of Vietnam during the nineteenth century.

Keywords: Pham Than Duat, Hung Hoa, border policy, Nguyen Dynasty.

* Corresponding author.
E-mail address: tranxuanthanh2@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4419

Chính sách biên viễn của triều Nguyễn nhìn từ tác phẩm "*Hưng Hóa ký lược*" của Phạm Thận Duật

Nguyễn Văn Kim, Trần Xuân Thanh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 10 năm 2022
Chỉnh sửa ngày 03 tháng 12 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 06 tháng 12 năm 2022

Tóm tắt: Kế thừa kinh nghiệm và di sản của các triều đại trước, đến thời Nguyễn (1802-1945) triều đình Huế luôn quan tâm đến việc quản lý các vùng biên viễn, trong đó có Hưng Hóa, vùng biên cương phía Tây Bắc, có vị trí địa - chiến lược trọng yếu của đất nước. Dựa trên việc khảo cứu thân thế, sự nghiệp của Phạm Thận Duật (1825-1885) và những trước tác của ông, nhất là tác phẩm *Hưng Hóa ký lược*, bài vết tập trung làm rõ bối cảnh ra đời, cách thức tiếp cận, nội dung cơ bản,... của tác phẩm ký (địa chí) có hàm lượng thông tin phong phú và giá trị về khoa học.

Những trải nghiệm thực tế của Phạm Thận Duật trong thời gian khoảng 2 năm (1855-1856) tuân mệnh triều đình làm tri châu Tuần Giáo, tỉnh Hưng Hóa cho thấy tinh thần trách nhiệm, phẩm cách của một quan lại - trí thức - nhà yêu nước giàu nhiệt huyết. Ông đã chủ động tìm hiểu vùng đất, con người, truyền thống văn hóa,... nơi đây để thực thi nhiệm vụ, đề ra các quyết sách quản lý một cách sáng tạo. Các chủ trương, đề xuất của ông không chỉ góp phần giữ yên vùng Hưng Hóa, một trong các khu vực đa dạng tộc người và phức tạp chính trị, mà còn góp phần tạo động lực cho sự phát triển của cư dân địa phương, thúc đẩy quan hệ, giao lưu giữa các tộc người vùng biên giới. Với những nội dung, tư tưởng được thể hiện trong tác phẩm, *Hưng Hóa ký lược* thực sự là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với nhiều nhà khoa học khi nghiên cứu về các vùng biên viễn, đặc biệt là vùng Tây Bắc của đất nước Việt Nam thế kỷ XIX.

Từ khóa: Phạm Thận Duật, Hưng Hóa, chính sách biên viễn, nhà Nguyễn.

1. Tác giả và tác phẩm

Phạm Thận Duật (1825-1885), đại thần dưới triều Nguyễn, được xem là một trong những nhân sĩ - trí thức có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, giáo dục, sử học. Trong đời sống chính trị cung đình cũng như 35 năm làm quan ở các địa phương, ông đã có nhiều cống hiến với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trên lĩnh vực văn hóa, cùng với *Hưng Hóa ký lược*, ông còn để lại nhiều tác phẩm có giá trị cho đời sau như: *Hà đê tấu tập, Vãng sứ Thiên Tân nhật ký, Quan Thành văn tập,…* Ông cũng là người duyệt bản cuối cùng của bộ sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, một trong các bộ quốc sử lớn nhất của vương triều Nguyễn. Trong sự nghiệp chính trị, ông từng làm tới Thượng thư Bộ Hình, Thượng thư Bộ Hộ, Phó Tổng tài Quốc sử quán kiêm quản Quốc tử giám, Đại thần Viện Cơ mật, là một trong ba đại thần lĩnh nhiệm vụ điều hành đất nước sau khi vua Tự Đức qua đời. Ông cũng là người đã sát cánh cùng Tôn Thất

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: tranxuanthanh2@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4419

Thuyết phò vua Hàm Nghi phát động Phong trào Cần Vương, dựng cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp [1]. Trải qua nhiều thập niên làm quan cho triều Nguyễn, với các nhiệm vụ khác nhau, Phạm Thận Duật luôn cẩn trọng giữ mình như "một ông quan thanh liêm, yêu nước thương dân" [2], một nhà chính trị vì dân, vì nước [3].

Phạm Thận Duật đã trải qua thử thách đầu tiên khi được triều đình bổ nhiệm làm giáo thụ phủ Đoan Hùng[1]. Đây được xem là nơi "rừng thiêng, nước độc" bậc nhất của tỉnh Sơn Tây, khi mới tròn 25 tuổi (1850). Sau đó 5 năm, ông được thăng làm Tri châu Tuần Giáo[2] tỉnh Hưng Hóa. Trong thời gian tại nhiệm, dẫu biết đây là "miền biên viễn lam chướng độc hại, trước nay các lưu quan đưa lên bị ốm chết đến quá nửa" [4, tr. 143], nhưng Phạm Thận Duật vẫn xác định "đó là việc nước, không nên từ nan" [4, tr. 37]! Với những trải nghiệm thực tế, chỉ trong 2 năm trị nhậm tại Tuần Giáo (1855-1856), ông đã hoàn thành *Hưng Hóa ký lược*[3], một tác phẩm địa chí về vùng cao có giá trị độc đáo [5]. Công trình cũng được xem là cuốn "bách khoa thư thu nhỏ", đề cập một cách đa diện các mặt: địa lý, kinh tế, quốc phòng, phong tục tập quán,… của cư dân vùng Tây Bắc[4]. Trên phương diện học thuật, nét đặc sắc nổi bật nhất của *Hưng Hóa ký lược* là phương pháp biên soạn khoa học, mang đậm tính thực chứng của tác giả. Ông từng quan niệm: "Miệng muốn nói, hãy nói bằng miệng của người xưa. Tay muốn viết hãy viết bằng tay của người xưa" [4, tr. 121]. Có thể hiểu, nhà quản lý, nghiên cứu phải thực sự dấn thân, khảo cứu thực tế, phải nói lên tiếng nói của nhân dân và của chính đời sống xã hội.

Trong quá trình biên soạn tác phẩm, ông đã tham khảo, kế thừa hàng chục tài liệu trong nước và khu vực[5]. Phương châm chủ đạo là: "Duật tôi không tự run sợ xấu hổ, lấy hai tập làm gốc, căn cứ vào các sách vở cùng truyện ký của các nhà, lại góp nhặt các chuyện thường đàm trong thôn xóm, chép ra 12 mục" [4, tr. 122]. Theo thống kê, số đầu mục tài liệu của các tác giả Trung Quốc được trích dẫn trong *Hưng Hóa ký lược* chiếm 66,7%, còn lại là các tài liệu trong nước chiếm 33,3% [7, tr. 31]. Thống kê này cho thấy, Phạm Thận Duật đã làm chủ kho tàng tri thức khi "tương tác với các văn bản kinh điển nền tảng của Trung Hoa, các tác phẩm cận thời của người Việt và phong trào học thuật khảo chứng thời nhà Thanh" [8]. Nhờ vậy, ông có thể "tự tin bác bỏ hay đính chính lại công trình trước đó" [7, tr. 31] thể hiện bằng sự hoài nghi: "đất biên cương xa xôi, người Kinh, người miền núi ở lẫn, núi cách sông sâu, chân không đi đến được thì những chỗ đáng ngờ há lại ít sao?" [4, tr. 121-122]. Với tinh thần "không dám tự coi mình là đúng", ông tự nhủ: "hãy cứ thuật lại những điều mình biết, để đợi sự chỉ giáo của người quân tử" [4, tr. 122]. Sự thận trọng, cầu thị của Phạm Thận Duật cho thấy các trí thức thời bấy giờ đã chủ động tiếp cận, phê phán, tiếp thu các tri thức bên ngoài, đồng thời nỗ lực tạo ra các giá trị mang dấu ấn của riêng mình.

Khi viết *Hưng Hóa ký lược*, ông đã thể hiện một nền tảng kiến thức sâu rộng và những trải

---

[1] Giáo thụ là một chức "lãnh quan", không có thực quyền như các quan cai trị.

[2] Châu Tuần Giáo lúc đó được xem là một nơi "rừng thiêng, nước độc", bao gồm một tổng, 3 xã với trên 200 suất đinh, 15 mẫu ruộng, thuế đồn niên 275 quan tiền, hơn 4 hộc thóc.

[3] Tác phẩm được viết bằng chữ Hán với khoảng 42.000 chữ vào năm Bính Thìn (1856), hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Sử học. Bản thảo gồm 12 mục: *Duyên cách; Cương vực; Đinh điền, ngạch thuế; Núi sông; Đền chùa; Thành trì; Cổ tích; Khí hậu; Thổ sản; Phong tục tập quán; Chữ Thái (Thổ tự); Từ ngữ Thái (Thổ ngữ).*

[4] Hưng Hóa là tên một đạo trong 13 đạo thừa tuyên lập ra từ thời vua Lê Thánh Tông (1442-1497), đến đầu thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) là một tỉnh gồm 3 phủ, 5 huyện và 16 châu, phía đông giáp với huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, tỉnh Sơn Tây; phía tây tiếp giáp các huyện Kiến Thủy, Văn Sơn phủ Khai Hóa nước Thanh và các nước Nam Chưởng, Xa Lý; phía nam giáp các huyện Trình Cố, châu Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và huyện Lạc Yên, tỉnh Ninh Bình; phía bắc giáp châu Thu, tỉnh Tuyên Quang [4, tr. 225].

[5] Trong đó có nhiều công trình có giá trị như *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn, *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú, *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích, *Nhật dụng thường đàm* của Phạm Đình Hổ, *Cao Bằng phong thổ* của Trần Huy Phác, *Hưng Hóa thực lục* của Quan hiệp trấn họ Trần, *Lam Sơn thực lục* của Lam Sơn Động Chủ đề tựa năm Thuận Thiên thứ 4, *Sách Hàm lâm viện* (giới thiệu về thuế khóa dân số vùng Hưng Hóa),… Ngoài ra, ông còn tham khảo các sách: *Chu lễ, Kinh thi, Minh sử, Minh sử liệt truyện, Hậu Hán thư, Tam quốc chí, Bách vật chí* của Trung Quốc [6, tr. 50].

nghiệm thực tế quý giá. Đối với một quan lại đi rộng, đọc nhiều, hiểu sâu cộng với nghị lực và quyết tâm như Phạm Thận Duật, *Hưng Hóa ký lược* không chỉ là cuốn sách tiêu biểu về một vùng địa - văn hóa mà còn là bằng chứng để kiểm nghiệm những gì ông cảm nhận, quan sát. Điều quan trọng là, qua tác phẩm có thể thấy được những kết quả đạt được trong quá trình thực thi công vụ của ông ở chốn Tuần Giáo - Hưng Hóa xa xôi. Trong sự đối sánh với một số công trình địa phương chí được biên soạn trước đó[6] thì *Hưng Hóa ký lược* của Phạm Thận Duật có những giá trị riêng biệt. Thật khó để so sánh tầm vóc giữa các tác phẩm này với nhau. Nhưng có thể khẳng định, mỗi công trình đều để lại cho đời sau những giá trị nổi bật về từng địa phương, vùng miền, tộc người, ở từng thời điểm cụ thể. Đó đều là những công trình khoa học đặc sắc, là nguồn tài liệu xác thực, có ý nghĩa quan trọng đối với vương triều Nguyễn trong việc hoạch định chính sách và quản lý các vùng biên ải xa xôi. Hơn một thế kỷ sau khi *Hưng Hóa ký lược* ra đời, nhà nghiên cứu Phan Văn Các nhận xét: "Có thể nói, với *Hưng Hóa ký lược*, Phạm Thận Duật đã thể hiện một tư duy khoa học sắc sảo, vượt ra ngoài khuôn khổ đào tạo kiểu từ chương khoa cử đương thời, vươn tới chiếm lĩnh những tri thức bách khoa và thực tiễn để cống hiến đích thực cho khoa học và cho đất nước" [9]. Giá trị của tác phẩm, nhân cách của tác giả là tiêu biểu cho một thế hệ trí thức thực học và tận hiến.

2. Chính sách biên viễn trong lịch sử - Một số đặc trưng cơ bản

Trong lịch sử, các triều đại quân chủ Việt Nam đã sớm nhận thấy tầm quan trọng của các vùng biên viễn, biển đảo với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Từ đầu thế kỷ X, trước sự suy yếu của nhà Đường (618-907), các họ Khúc (905-917), họ Dương (931-937) đã vươn lên giành lại quyền tự chủ cho đất nước. Khi Ngô Quyền xưng vương, cương giới đất nước được xác lập trên một không gian tương đối rộng lớn[7]. Việc cai quản vùng miền núi phía Bắc chủ yếu do các tù trưởng có thế lực chi phối. Nhà Ngô (939-965) ràng buộc họ theo truyền thống "ki mi" tương đối mềm dẻo [11, tr. 62].

Đến thời Đinh (968-980), cùng với việc giao cho giới thổ hào cai quản chính quyền cấp địa phương (phủ, châu, giáp xã), triều đình Hoa Lư còn thực hiện việc ràng buộc các thủ lĩnh vùng cao bằng quan hệ hôn nhân. Để bảo vệ vùng biên viễn trước các mối đe dọa từ phương Bắc (và cả vùng biên giới Tây Nam giáp với Ai Lao, Chân Lạp, Champa), nhà Đinh chủ động thiết lập mối quan hệ với phương Bắc, khiến vua Tống cũng phải "tôn yêu" và công nhận Bộ Lĩnh là "người đời làm họ lớn, giữ được phương xa" [11, tr. 86]. Đến thời Tiền Lê (980-1009), chính quyền trung ương đã xây dựng được lực lượng quân sự tương đối hùng mạnh, trực tiếp chống lại các cuộc nổi dậy, phong trào phản kháng ở nhiều địa phương. Tình thế chính trị của các triều đại đầu kỷ nguyên tự chủ cho thấy, tuy quyền uy thực tế của các triều đại ngày càng gia tăng nhưng với nhiều vùng biên viễn, các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê vẫn chưa thể vươn tầm quản lý chặt chẽ. Triều đình trung ương ra sức ràng buộc nhưng sức ly tâm vẫn còn đè nặng lên tư duy chính trị của giới thủ lĩnh vùng miền.

Từ thời Lý (1009-1225) trở về sau, ảnh hưởng của chính quyền trung ương được gia tăng rõ rệt. Lý Công Uẩn cho dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, kiên quyết thực thi chính sách nhằm thiết lập phạm vi kiểm soát ở nhiều vùng biên viễn. Qua các quyết sách, nhà Lý không chỉ muốn kết giao với các thủ lĩnh, hào tộc địa phương mà còn muốn khẳng định vị thế của một

[6] Trong các thế kỷ XVIII-XIX, về địa phương chí, có nhiều công trình như *Hải Đông chí lược* (1772) của Ngô Thì Nhậm; *Phủ biên tạp lục* (1776) của Lê Quý Đôn; *Hưng Hóa xứ phong thổ lục* (1778) của Hoàng Bình Chính; *Cao Bằng lục* (thế kỷ XVIII) của Phan Trọng Phiên; *Gia Định thành thông chí* (cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX) của Trịnh Hoài Đức; *Cao Bằng thực lục* (1810) của Nguyễn Hựu Cung; *Nghệ An ký* (đầu thế kỷ XIX) của Bùi Dương Lịch; *Bắc Thành địa dư chí lục* (1845) của Lê Chất; *Hưng Hóa ký lược* (1856) của Phạm Thận Duật; *Vũ man tạp lục thư* (1871) của Nguyễn Tấn,… [5].

[7] Theo đó, cương giới nước ta phía bắc giáp Lưỡng Quảng, phía nam đến Đại Lý, tất cả là 2.800 dặm; phía đông tiếp với cửa biển ở Khâm Châu, phía tây giáp tỉnh Vân Nam, tất cả là 1.700 dặm. [10, tr. 454].

chính quyền trung ương tập quyền mạnh [12, tr. 88-89]. Một trong những biện pháp được thực thi là việc triều đình Thăng Long lấy hôn nhân để ràng buộc các tù trưởng là người dân tộc thiểu số. Nhà Lý hiểu rằng, họ là những người có thế lực và uy tín lớn trong cộng đồng cư dân vùng biên giới. Bằng "chính sách nhu viễn" và các mối quan hệ hôn nhân, nhà Lý đã từng bước nắm đất, nắm dân, thắt chặt mối thâm giao và mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong điều kiện triều đình trung ương chưa đủ sức mạnh để vươn tầm kiểm soát thực tế ở nhiều vùng biên viễn của đất nước [13, tr. 41].

Đến thời Trần (1226-1400), nhà nước duy trì chế độ tự quản ở các miền biên cương của Đại Việt, cho phép các tù trưởng quản lý các vùng đất được giao. Để bảo vệ vùng biên giới, chính quyền Thăng Long cho thực thi nhiều biện pháp chính trị, quân sự, ngoại giao và cả các mối quan hệ hôn nhân để củng cố niềm tin, mối liên hệ mật thiết với các thủ lĩnh. Bên cạnh đó, nhà Trần còn phái cử nhiều quý tộc tài năng, quan lại am hiểu phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số đem quân lên trấn giữ các vùng biên ải. Thời Lê sơ (1428-1527) và Lê - Trịnh (1533-1789), chính quyền Thăng Long vẫn coi Hưng Hóa là "phên giậu" [10, tr. 466]. Các thủ lĩnh, hào trưởng địa phương được giao quyền quản lý trực tiếp vùng biên viễn, thu thuế và nộp cống phú các loại lâm thổ sản cho nhà nước [14, tr. 23]. Cùng với việc dùng bổng lộc và quan tước để kiềm chế, ràng buộc các châu mục, tù trưởng có thế lực, triều đình Thăng Long cũng kiên quyết trấn áp các thế lực địa phương có khuynh hướng chia tách, chống lại chính quyền trung ương[8].

Như vậy có thể thấy rằng, trước nhà Nguyễn, các vương triều từ Ngô, Đinh, Tiền Lê, đến Lý, Trần, Lê,… đều nhận thức rõ tầm quan trọng của các vùng biên viễn và thực tế đã từng bước thực thi các chính sách nhằm bảo đảm an ninh, giữ thế ổn định cho các vùng xa, vùng sâu. Đặc điểm cơ bản, xuyên suốt trong chính sách của các vương triều này là *nhu viễn* (mềm mỏng với phương xa), nhưng cũng cương quyết trong một số trường hợp mà chính quyền trung ương nhận thấy có mối đe dọa với chủ quyền, an ninh đất nước. Chính sách đó được cho là phù hợp với tình hình lúc bấy giờ khi đất nước (nhất là các triều đại đầu tiên) mới giành được quyền độc lập, tự chủ từ thế lực phong kiến phương Bắc. Nó cũng cho thấy quyết tâm của các chính thể nhằm bảo vệ, khẳng định vị thế của một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XIX, vị thế của Đại Nam đã ở một tầm vóc khác. Một quốc gia thống nhất dưới triều Nguyễn đã trở thành thực thể có nhiều ảnh hưởng trong hệ thống chính trị, kinh tế ở khu vực Đông Nam Á. Việc hoạch định, thực thi các chính sách biên viễn cần một sự quyết đoán mạnh mẽ hơn.

3. Chính sách biên viễn của các vị vua đầu triều Nguyễn

Tiếp nối chủ trương của các triều đại trước, triều Nguyễn đặc biệt chú trọng, coi việc quản lý các vùng núi cao, biên giới xa xôi trong đó có Hưng Hóa, là nhiệm vụ trọng yếu. Là vương triều quản lý một lãnh thổ rộng lớn, thống nhất từ Bắc đến Nam, những người đứng đầu vương triều như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị,... luôn có ý thức sâu sắc về việc xây dựng một quốc gia vững mạnh toàn diện, trong đó có việc bảo đảm an ninh các vùng biên giới. Trải qua hai thế kỷ bị chia cắt (Đàng Ngoài, Đàng Trong và kháng chiến chống Thanh, xung đột với nhà Tây Sơn,...), quốc gia Đại Nam cần sự thống nhất toàn vẹn để ổn định, phát triển. Là người đứng đầu vương triều, vua Gia Long (1802-1820) luôn thấu hiểu những thách thức của tình trạng đất nước ly tán. Trong chuyến kinh lý Bắc Thành tháng 6 năm Canh Thân (1802), người đứng đầu triều Nguyễn chỉ rõ: "Từ khi ta lấy lại được Kinh thành, quân giặc chạy ra miền Bắc. Bờ cõi hai

[8] Cuối năm 1431, Đèo Cát Hãn câu kết với thổ tù Ai Lao là Kha Lại, chiếm cứ một vùng biên cương phía Tây Bắc. Lực lượng này không chỉ không chịu nộp cống cho triều đình mà còn đem quân cướp phá các vùng lân cận như Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng,... đe dọa đến tình hình an ninh vùng biên viễn. Vì vậy, Lê Lợi đã thân chinh cầm quân trấn dẹp. Trên đường về lại kinh đô, ông đã sai khắc 2 bài thơ trên vách núi đá bên bờ sông Đà với nội dung đề cao uy lực của triều đình, đồng thời cảnh tỉnh các thủ lĩnh địa phương có ý định nổi dậy, cát cứ.

trăm năm núi rừng ngăn cách, phong tục đổi thay, 13 đạo thừa tuyên như nước ngập sâu, như lửa đốt bỏng" [15, tr. 503]. Ngọn cờ "phù Lê" của nhà Trịnh trước đây, sau này là tư tưởng "hoài Lê" của đông đảo dân chúng Bắc Hà là một trở lực không nhỏ đối với triều đình Huế trong việc ổn định tình hình ở vùng đất Bắc trong đó có các vùng thượng du. Thực tế đó khiến Gia Long phải mau chóng đề ra chính sách phù hợp với tình hình mới mà mục tiêu tối thượng là củng cố quyền uy của một vương triều thống nhất, sớm khắc phục tình trạng ly tán, thiếu kiểm soát tại một số địa phương[9].

Đến thời Minh Mệnh (1820-1841), để tập trung quyền lực, với các cơ quan quản lý địa phương, nhà vua đã ra lệnh đổi các trấn thành tỉnh. Hưng Hóa trở thành một trong 18 tỉnh thuộc Bắc Kỳ (trước 1834 là Bắc Thành) và là một trong 14 liên tỉnh của cả nước[10]. Với các dân tộc thiểu số ở phía Bắc, Minh Mệnh cho xóa bỏ chế độ *Thổ quan*, thay bằng chế độ *Lưu quan*[11], chính thức bổ quan lại của triều đình đến cai trị trực tiếp ở các châu, huyện. Phạm Thận Duật được triều đình bổ nhiệm làm Tri châu Tuần Giáo trong bối cảnh đó. Cùng với việc bổ lưu quan người Kinh, Minh Mệnh còn cho đổi toàn bộ *động, sách* cũ thành *xã* để thống nhất đơn vị hành chính cấp cơ sở trong toàn quốc. Những cải cách hành chính được Minh Mệnh ban bố ở các tỉnh miền núi sau đó tiếp tục được các vua triều Nguyễn thực hiện. Chính sách này đã tạo nên một cơ cấu hành chính khá hoàn chỉnh, ổn định lâu dài, đưa thiết chế chính trị nhà nước thời Nguyễn dần đi vào thế ổn định. Chính quyền trung ương tập quyền có điều kiện củng cố, phát triển vững mạnh cả ở trung ương và địa phương, nhất là ở các vùng biên viễn.

Trên thực tế, mặc dù chế độ *Thổ quan* tại các châu, huyện đã được thay thế bởi chế độ *Lưu quan*, nhưng trong nhiều châu "vẫn còn hiện hữu uy lực của những người đứng đầu các dòng họ, của mối quan hệ thân tộc,… Mỗi dòng họ lớn luôn chiếm cứ một thung lũng hay một hệ thống các thung lũng và áp đặt, thực thi chế độ quản lý trên vùng đất đó" [16, tr. 141]. Để vỗ về, phủ dụ các thế lực này, ngay trong năm đầu tiên nắm giữ vương quyền, khi "các thổ tù ở Tuyên Quang, Hưng Hóa và Thái Nguyên phần nhiều còn mang lòng chờ xem", Gia Long đã "dùng văn cáo để vỗ yên, sai tuyên bố lời dụ bảo cho những điều họa phúc", thu phục được nhân tâm của các thổ tù, khiến họ "kế nhau đến hành tại triều kiến" [15, tr. 516]. Bên cạnh đó, triều Nguyễn còn thường xuyên cho mời người ở các vùng biên về kinh đô Huế để yết kiến. Từ năm 1825, Minh Mệnh thường xuyên cho "sai các viên biền ở đồn chia ban yết kiến" [17, tr. 418]. Theo đó, thổ ty các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng,... đều về kinh chầu. Trong nhận thức chung "họ dẫu hẻo lánh ở nơi biên viễn, nhưng cũng là bầy tôi nhà vua. Trước kia, khi thổ phỉ gây việc, có người thì trước sau không chịu theo giặc, có người thì theo quan

[9] Với 11 trấn Bắc Thành, bên cạnh việc đặt các chức *Trấn thủ, Hiệp trấn* và *Tham trấn* tại mỗi trấn, Gia Long còn cho đặt một viên *Tổng trấn* chịu trách nhiệm chung cho cả Bắc Thành (Nguyễn Văn Thành là người đầu tiên được Gia Long sung vào chức Tổng trấn Bắc Thành). Với những phủ, châu, huyện ở 6 ngoại trấn Bắc Thành, trong đó có vùng Hưng Hóa, Gia Long cho lấy người Thổ cho quản đặt. Như vậy, Bắc Thành cùng với Gia Định Thành ở phía Nam, trở thành 2 trấn tương đối độc lập, dù chịu sự quản lý của triều đình nhưng hoàn toàn thông qua viên Tổng trấn. Tình trạng này đã làm nảy sinh một số vấn đề về mặt thiết chế, thể hiện ở tính phân quyền trong việc quản lý một đất nước rộng lớn. Để khắc phục hạn chế, vua Minh Mệnh đã tiến hành một cuộc cải cách hành chính trên quy mô cả nước, trong đó có việc xóa bỏ 2 *trấn* (Bắc Thành và Gia Định Thành) và thay bằng một cơ quan mới gọi là *Nội các*. Cơ quan này có trách nhiệm giải quyết mọi công việc của các trấn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của nhà vua. Nội các cũng nhằm khống chế quyền lực của Lục bộ, tạo điều kiện cho nhà vua quản lý đất nước một cách sâu sát với mục tiêu tối thượng là xây dựng một chính quyền trung ương tập quyền vững mạnh. Tiếp theo, Minh Mệnh cho lập *Viện Cơ mật* nhằm dụ bàn những việc cơ mưu trọng yếu, tăng cường khả năng quân sự để ứng phó với những cuộc nổi dậy ở nhiều vùng, trong đó có cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương ở Hưng Hóa.

[10] Cũng giống với 13 liên tỉnh còn lại, liên tỉnh Sơn - Hưng - Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang) chịu sự quản lý của một viên *Thống đốc* với danh nghĩa là một thành viên của chính quyền trung ương được đặc phái về địa phương. Năm 1834, Hưng Hóa trở thành một trong 13 tỉnh *Bắc Kỳ*, đặt dưới quyền lãnh đạo trực tiếp của triều đình trung ương và chịu sự giám sát thường xuyên của *Viện Đô sát*. Các viên Giám sát ngự sử thường được đóng tại các liên tỉnh để theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của cơ quan hành chính cấp tỉnh.

[11] Thổ quan: bổ dụng quan lại người địa phương. Lưu quan: bổ dụng quan lại của triều đình theo kiểu luân chuyển.

quân đi đánh dẹp, dự có chút công, đã được khen thưởng. Gần đây, đặt chức lưu quan mới cũng là cho họ dần dần thấm nhuần phong tục Kinh, chứ vốn không phải có ý kỳ thị" [18, tr. 911].

Dưới triều Nguyễn, vùng Hưng Hóa không chỉ là nơi "rừng sâu, núi độc" mà còn là nơi giặc dã hoành hành. Tình trạng "thổ dân ở ven núi theo quan binh thì ít, theo giặc thì nhiều, đảng giặc càng đông" ngày càng phổ biến [19, tr. 514]. Để đối phó với tình trạng này, Minh Mệnh đã chủ trương đưa "tù phạm sung quân phát đi các địa phương". Từ năm 1832, bộ Hình đã "định rõ lệ phát phối những tù phạm quân lưu đi các địa phương", theo đó, "người quê từ Quảng Nam trở vào Nam thì lấy thú sở Ai Lao phủ Cam Lộ làm nơi phụ cận; lấy Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Hưng Yên làm nơi cận biên; lấy Quảng Yên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa làm nơi viễn biên, lấy Cao Bằng và đồn Trấn Hà, châu Thủy Vĩ tỉnh Hưng Hóa cùng với châu Vạn Ninh, Quảng Yên làm nơi cực biên lam chướng" [19, tr. 484]. Trong một không gian tự nhiên, xã hội rộng lớn, các bộ phận cư dân vùng núi Tây Bắc vẫn thể hiện một đặc điểm rất phổ biến là "tính di biến động cao" [16, tr. 142]. Vì thế, uy danh và chính sách "khoan thư sức dân" của các tộc trưởng, châu trưởng có vai trò quan trọng trong bối cảnh "hễ người châu trưởng nào khéo vỗ về thì họ theo, nếu không khéo thì họ đem nhau đi châu khác" [20, tr. 301]. Với châu Mộc "đất đai rộng, thóc lúa nhiều,... thổ sản dồi dào, châu trưởng chia nhau quản trị, người nào cũng giữ phong vực của mình. Nhân dân thì lúc cày ruộng, lúc tập bắn, dân tự làm binh cũng giống như phép thủ binh đời xưa, người khéo vỗ về thì dùng được sức dân" [20, tr. 301].

Ở các vùng biên viễn như Hưng Hóa, một trong các vấn đề quan trọng hàng đầu đối với chính quyền là việc bảo vệ biên giới, lãnh thổ. Những xung đột về biên giới, lãnh thổ giữa nhà Thanh với Đại Nam không chỉ xảy ra một lần trong những năm cầm quyền của triều Nguyễn. Tình trạng đó buộc người đứng đầu vương triều phải có những biện pháp vừa mềm dẻo vừa cương quyết với quốc gia láng giềng khu vực. Đầu thời Gia Long, nhân xảy ra việc tranh cãi với Tổng đốc Vân Quý về việc dân ở một số trại mãnh thuộc huyện Kiến Thủy nước Thanh chạy sang trấn Hưng Hóa, vua Gia Long tuyên bố rõ rằng: "công việc biên cương là quan trọng" và hạ chiếu cho Tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành "tra rõ địa địa giới Hưng Hóa và sự tích sáu mãnh dâng lên"[12].

Cùng với chính sách đối ngoại mềm mỏng và cương quyết, để giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ với nhà Thanh, đối với các vấn đề nội bộ trong nước, mỗi khi có các cuộc nổi dậy, cát cứ tại Hưng Hóa và các vùng biên viễn khác, nhà Nguyễn đều dùng nhiều biện pháp để trấn dẹp[13].

---

[12] Theo điều tra của Nguyễn Văn Thành, các mường, động này đều là đất của châu Chiêu Tấn và Lai Châu thuộc Hưng Hóa nhưng: "ở hẻo lánh nơi biên giới, lẫn lộn với dân huyện Kiến Thủy nước Thanh", "đều bị bọn quan lại nhà Thanh ở biên giới ức hiếp thu thuế bạc", "nay nước Thanh lại đem hai mãnh ấy kể là dân của họ thì đất hai châu không còn được mấy". Viên Tổng trấn bèn sai xét hình thế sông núi, vẽ bản đồ, dâng sớ rằng: "một giải thượng du Hưng Hóa cùng với các phủ Lâm An, Khai Hóa tỉnh Vân Nam nhà Thanh, thế đất liền kề, trước kia bị nhà Mạc "đem 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên nộp cho nhà Thanh". Sau đó nhà Lê "nhiều lần xin tra xét nhưng đều bị quan lại nước Thanh ở biên giới ngăn trở. Năm Lê Bảo Thái, nhà Thanh sai Tổng đốc Vân Quý sang hội đồng dựng bia, lấy sông Đổ Chú nước ta làm giới hạn, từ sông Đổ Chú về phía tây, các châu Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Khiêm Châu, Lai Châu cộng bảy châu, đều thuộc Hưng Hóa". Tuy nhiên, sau đó đất này lại bị Hoàng Công Thư chiếm giữ "mà họ Lê để đấy không hỏi. Từ đời Lê đến đời Tây Sơn vẫn muốn chia vạch lại mà đều không được". Viên Tổng trấn Bắc Thành còn chỉ rõ: "trong mười châu của phủ An Tây trấn Hưng Hóa thì sáu châu đã bị mất vào nước Thanh lâu rồi. Nay Chiêu Tấn và Lai Châu chính thuộc sổ Hưng Hóa mà người Thanh lại đem dân các mường động hai châu chép lẫn làm các trại mãnh, chẳng qua đó là bọn quan lại ở biên giới thấy đất đai và nhân dân ấy có lợi nên lập riêng xưng hiệu, mưu toan bá chiếm" và đề nghị "nay xin trước viết thư trả lời cho Tổng đốc Vân Quý, tách bạch rõ ràng cương giới của hai châu yêu cầu sai người sang hội đồng chia vạch lại" [15, tr. 667-668].

[13] Năm Gia Long thứ 12 (1813), khi bọn "thổ phỉ ở Hưng Hóa ngụy xưng niên hiệu Cần Chánh, nổi trộm ở châu Thủy Vĩ", ngay lập tức "Cai châu Chiêu Tấn là Đèo Quốc Kiêm đem dân thổ đánh bắt được giết đi. Cho Quốc Kiêm làm chiêu thảo thiêm sự, thưởng cho 300 quan tiền" [15, tr. 873]. Hay khi đảng giặc Hưng Hóa tụ tập hơn 1.000 quân đánh phủ Lâm Thao thuộc Sơn Tây thì "Quản phủ là Nguyễn Văn Hương đánh nhau với giặc ở xã Thạch Sơn, thua chạy", gây ảnh hưởng xấu tới quan quân trong nước. Triều đình lập tức "sai đem chém Nguyễn Văn Hương ở trước quân rao cho

Bên cạnh đó, triều đình Huế cũng rất coi trọng vai trò kinh tế và giao lưu kinh tế của các tộc dân vùng biên giới. Nhà Nguyễn đã chủ động thực thi một số chính sách để phát triển kinh tế - xã hội các vùng này. Năm 1841, khi người Nam Chưởng sang xâm lấn châu Ninh Biên thuộc Hưng Hoá, đốt và cướp đồn binh, lại đốt cháy mất 139 nóc nhà, Hộ phủ là Nguy Khắc Tuần sau khi đem quân đánh đuổi, đã xin với triều đình "đặt thêm nơi phủ ly, mộ dân đến lập ấp, khai khẩn những chỗ bỏ hoang, mở mang việc buôn bán, để tính phương kế làm cho nơi biên viễn được đầy đủ chắc chắn". Đề nghị này đã được Thiệu Trị đồng ý. Ông cho rằng: "Chỗ đất ấy ở tít nơi biên viễn, lại tiếp giáp với người Man Lạo, phải nên thi thố một phen, để được yên bình mãi mãi. Vả lại, rừng núi xa rộng, người Nùng, người Thổ ở lẫn với nhau. Nếu chiêu tập người lương thiện, cấp cho trâu cày, để khai khẩn ruộng hoang, chẳng bao lâu thành ra nơi đông vui" [21, tr. 130].

Như vậy, có thể thấy rằng, kế thừa nhiều kinh nghiệm, thành tựu trong chính sách của các triều đại trước, triều Nguyễn đã thực thi một cách hiệu quả chính sách biên viễn với phương châm *nhu viễn*, vừa vỗ về, phủ dụ, *nhưng kiên quyết trấn áp* các hoạt động uy hiếp đến lợi ích của vương triều, đất nước. Phương châm đó của triều Nguyễn có sự khác biệt cơ bản so với chính sách tương đối mềm dẻo của hầu hết các triều đại trước đây. Là triều đại luôn ý thức mạnh mẽ về việc xây dựng một quốc gia vững mạnh toàn diện, trong đó có việc ổn định các vùng biên cương nên sau cải cách hành chính năm 1831, Minh Mệnh đã cho kiện toàn bộ máy quản lý trên cả nước theo thiết chế quân chủ tập quyền. Đó chính là chỗ dựa vững chắc cho việc thực thi các chính sách cứng rắn đối với các vùng biên viễn như Hưng Hóa. Qua khảo cứu *Đại Nam thực lục,* trong 45 năm trị vì (1802-1847), Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị đã đặc biệt quan tâm tới các vùng biên giới. Tự Đức, mặc dù có thời gian ở ngôi vương dài hơn (1847-1883), nhưng trong bối cảnh các mối đe dọa ngày càng lớn từ các thế lực thực dân phương Tây, ông không thể toàn tâm toàn ý tới các vùng xa xôi.

4. Việc thực thi chính sách biên viễn của Phạm Thận Duật qua *Hưng Hóa ký lược*

4.1. Quản lý hành chính và bảo đảo an ninh vùng biên giới

Trong suốt chiều dài lịch sử, Hưng Hóa luôn là vùng phên giậu trọng yếu phía Tây của đất nước. Việc bảo đảm an ninh cho vùng đất này là một nhiệm vụ quan trọng của tất cả các chính thể cầm quyền. Trong *Dư địa chí,* Nguyễn Trãi đã xác định Hưng Hóa là "phên giậu thứ hai ở phương Tây" [10, tr. 466]. Trước thế kỷ XIX, vùng đất này từng xuất hiện trên bản đồ Đại Việt với các tên gọi khác nhau như: Lâm Tây, Châu Đằng, Đà Giang, Quy Hóa. Đến đầu thời hậu Lê thì đổi thành Hưng Hóa, trấn lớn nhất trong các ngoại trấn thời Lê Trung Hưng [22, tr. 42]. Hưng Hóa trở thành một tỉnh dưới thời Nguyễn sau cải cách hành chính (1831) và tiếp tục được chia tách thành các đơn vị hành chính mới dưới thời Pháp thuộc. Nhiều học giả nổi tiếng như Lê Quý Đôn (1726-1784), Phan Huy Chú (1782-1840) đều nhận thấy tầm quan trọng, vị thế chiến lược của Hưng Hóa[14]. Với cái nhìn so sánh có thể thấy, châu Tuần Giáo không chỉ giàu "thổ sản, sáp vàng và sa nhân", "trên rừng nhiều thịt, dưới

---

mọi người biết", sau đó lập tức sai quân sĩ tiến đánh đảng giặc ở Lâm Thao, rồi sang sông Thao, đánh giải vây cho Hưng Hóa [19, tr. 533]. Cũng trong thời gian này, khi Thổ Tri châu Bảo Lạc, tỉnh Tuyên Quang là Nông Văn Vân chống lại triều đình, vua Minh Mệnh đã lệnh cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên phái ngay 600 biền binh, 5 thớt voi chiến theo Phạm Phổ và Trần Hữu Án "kíp đến châu Bảo Lạc để tuyệt mầm ác" [19, tr. 643-644].

[14] Lê Quý Đôn, qua khảo cứu tác phẩm của Nguyễn Bá Thống, đã viết trong *Kiến văn tiểu lục*: "Quan ải Ai Lao, liên lạc tiện đường, biên giới Vân Nam khống chế mọi mặt; đấy là nơi xung yếu của đất Man, cửa ngõ của Lục Chiếu (Lục Chiếu tức sáu "Chiếu" gồm: Mông Xá, Mông Tủy, Ma Ta, Lãng Khung, Đăng Thiềm và Thi Lãng. Sáu nước (tiểu quốc) đều ở phía Tây Nam Trung Quốc có tục gọi vua là "Chiếu", nên gọi chung là Lục Chiếu. Các "Chiếu" này đều thuộc địa phận tỉnh Vân Nam.), che giữ cho các trấn, như giậu như phên, án ngữ miền thượng du, làm then làm chốt. Sản vật,… bạc vàng châu ngọc đầy dẫy ở chốn biên cương. Thật là phủ kho ngoài biên giới của quốc gia, mà là nơi tụ tập ngàn vạn đồ chân bảo",...

nước nhiều cá" mà còn là nơi rừng sâu "đường đi 18 ngày" [24, tr. 361-362]. Trong khi đó: "Hưng Hóa núi sông hiểm trở có thể làm nơi căn cứ. Nguồn lợi dồi dào, lúc nào cũng sung túc, là một nơi trọng yếu của miền thượng du" [25, tr. 164]. Những ghi chép của Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn hay Phan Huy Chú đều cho thấy Hưng Hóa thực sự là một địa bàn có nhiều khó khăn, thách thức với Phạm Thận Duật khi ông được triều đình giao quản lý vùng đất này.

Ghi chép trong mục *Duyên cách (thay đổi địa giới)* và *Cương vực* của *Hưng Hóa ký lược* cho thấy, Phạm Thận Duật được triều Nguyễn tin tưởng, giao cho quản lý một vùng địa đầu quan trọng. Xét về vị trí địa quân sự, đây là khu vực biên thùy xung yếu. Chính quyền và cư dân ở đây vừa phải đối phó với những biến động chính trị từ nhà Thanh, âm mưu bành trướng của giới cầm quyền Vân Nam, vừa phải phòng ngừa các nhóm tộc người du canh, du cư sống dọc vùng biên giới Lào - Việt. Việc Hưng Hóa được đổi từ trấn thành tỉnh và được quản lý trực tiếp bởi các quan lại trí thức, được đào tạo bài bản như Phạm Thận Duật cho thấy nhà Nguyễn đặc biệt quan tâm tới tính hiệu quả của chính sách *lưu quan*, nhất là trong việc quản lý biên giới. Sự khác biệt trong chính sách này giữa nhà Nguyễn với với các triều đại trước đó được Phạm Thận Duật ghi lại qua việc phân biệt lưu quan và thổ quan: "trước đây triều ta phần nhiều theo lệ nhà Lê", "đều cho thế tập". Nhưng, sau khi viên tri châu Bảo Lạc nổi dậy (1833) thì triều đình đã cho "đặt lưu quan chứ không dùng thổ quan nữa" [4, tr. 142-143]. Tuy nhiên, triều Nguyễn vẫn có sự linh hoạt trong việc thực thi chính sách này. Trên thực tế, tại châu Thuận và châu Sơn La, triều đình vẫn cho đặt thổ quan và lưu quan xen kẽ. Thời gian Phạm Thận Duật bắt đầu tại nhiệm ở Hưng Hóa (1855), các châu Phù Yên, Mai Sơn vẫn đặt thổ quan. Về sự linh hoạt này, ông nhận định có thể triều đình "không nỡ coi họ là dân chưa thuần giáo mãi. Vả lại, miền biên viễn lam chướng độc hại, trước nay các lưu quan đưa lên bị ốm chết đến quá nửa" [4, tr. 143]. Dù thực hiện chính sách lưu quan hay thổ quan, thì mục tiêu lớn nhất của triều Nguyễn vẫn là "mở rộng quyền kiểm soát của chính quyền trung ương ra các khu vực vùng biên"[15].

Phạm Thận Duật nhậm chức tại Hưng Hóa trong bối cảnh bên kia biên giới, nhà Thanh đang tập trung binh lực chống lại các cuộc nổi dậy của nông dân xảy ra ở nhiều tỉnh phía nam, trong đó các các vùng biên giới. Phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) diễn ra tại các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây đã có ảnh hưởng không nhỏ, gây nên tình trạng bất ổn đối với các vùng biên giới của Đại Nam. Trong bối cảnh đó, Phạm Thận Duật phải tập trung nhiều nguồn lực để đối phó với các hành động cướp bóc, quấy phá của các băng đảng khi chúng tràn qua biên giới vào lãnh thổ đất nước. Như vậy, từ một Nho sĩ văn quan, khi được giao trị nhậm tại vùng đất trọng yếu, Phạm Thận Duật đã xông pha nơi biên ải, kiêm quản nhiệm vụ của một võ quan [26, tr. 3]. Trong hai năm ở đây, ông đã trực tiếp đảm trách việc mộ binh, vận lương, nhiều lần đích thân cầm quân để giữ trật tự xã hội [27, tr. 5]. Điều này được phản ánh rõ trong *Hưng Hóa ký lược*, khi ông thống kê rất chi tiết số lượng các đội quân đóng trên từng địa bàn trong vùng.

Không chỉ đảm trách bổn phận của một viên Tri châu, Phạm Thận Duật còn tận dụng những tri thức về lịch sử, địa lý của mình để phục vụ công việc quản lý. Những thông tin trong phần *Cương vực* cho thấy, ông đã ghi chép rõ vị trí địa lý của từng châu trong địa phận của tỉnh Hưng Hóa. Trong đó, ông đã chú rõ những thay đổi về địa danh, địa giới, sự biến đổi về dân cư cũng như cơ cấu của hệ thống quan lại địa phương. Những trải nghiệm thực tế, các cuộc điền dã kết hợp với tri thức từ các nguồn tài liệu đã giúp Phạm Thận Duật đưa ra những hoài nghi, đồng thời chỉ ra sự nhầm lẫm, sai lệch về địa danh của những ghi chép trước đó. Nếu như các triều đại trước đã định danh được vùng đất Hưng Hóa qua các thời kỳ lịch sử thì Phạm Thận Duật đã phân

[15] Kathlene Baldanza là nhà nghiên cứu lịch sử thuộc Pennsylvania State University, Hoa Kỳ. Trong công trình "Books without Borders: Phạm Thận Duật (1825-1885) and the Culture of Knowledge in Mid-Nineteenth-Century Vietnam", Kathlene Baldanza cho rằng, Phạm Thận Duật và *Hưng Hóa ký lược* chắc chắn đã đóng một vai trò trong mục tiêu của nhà Nguyễn là mở rộng quyền kiểm soát của chính quyền trung ương ra các khu vực vùng biên [25].

định rõ hơn cương giới từng châu, trong đó có việc vẽ lại bản đồ của tỉnh Hưng Hóa. Tấm bản đồ này trở thành cơ sở thực tiễn cho các thế hệ tiếp theo nghiên cứu sự thay đổi địa giới cũng như tạo dựng cơ sở pháp lý vững chắc của việc xác định cương vực lãnh thổ của nhà nước Đại Nam[16].

4.2. Quản lý kinh tế và tài nguyên

Qua những ghi chép trong mục *Đinh điền, ngạch thuế,* chúng ta thấy nhiều loại thuế (như thuế thổ sản, thuế quan ải, thuế mỏ của từng phủ, huyện, châu,…) đã được thu tại vùng biên viễn Hưng Hóa. Theo đó, thuế thổ sản nộp bằng vải tính theo thước, thuế quan ải thu bằng bạc và tiền mặt, thuế mỏ thu bằng chính sản phẩm khai được,… Việc thực hiện thành công chính sách thuế ở các vùng biên giới không chỉ là nguồn bổ sung cho quốc khố mà còn là minh chứng về hiệu quả và quyền lực thực tế của chính quyền địa phương triều Nguyễn. Tình trạng, cư dân vùng biên phải nộp thuế hai nơi vì thế cũng từng bước suy giảm và chấm dứt. Đây là những trải nghiệm rất hữu ích cho với Phạm Thận Duật, bởi sau thời kỳ làm quan ở Hưng Hóa và Bắc Ninh, ông được triều đình bổ dụng làm Thượng thư bộ Hộ, quản lý ngân khố và điều hành nền kinh tế của cả nước.

Thực tế lịch sử cho thấy, ông được triều đình giao điều hành nền kinh tế trong bối cảnh đời sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, nhất là sau thất bại trong các cuộc giao tranh với các đội quân xâm lược của thực dân Pháp. Bên cạnh việc phải nộp các khoản đền bù chiến phí, triều Nguyễn còn phải đối phó với nạn tiền giả, nạn đói và tình trạng tham nhũng. Thời kỳ này, nạn đúc và sử dụng tiền giả đã gây nên những thiệt hại lớn cho đất nước. Tình trạng lưu thông tiền giả tràn lan khiến cho hàng hóa vốn đã khan hiếm lại càng trở nên đắt đỏ. Để ứng phó, Phạm Thận Duật đã đề xuất với triều đình thi hành những biện pháp cứng rắn. Theo đó, nhiều kẻ gian đúc tiền giả hay thu mua và lưu thông loại tiền bất hợp pháp khi phát hiện đều bị nghiêm trị. Cùng với đó, nạn đói do thiên tai, mất mùa cũng xảy ra liên tiếp. Để yên dân, làm giảm thiểu những hậu quả nặng nề, triều Nguyễn đã cho phép các địa phương bị ảnh hưởng bởi các cuộc giao tranh hay thiên tai đều được miễn, giảm thuế. Cũng trong thời gian làm Thượng thư bộ Hộ, để ngăn chặn tệ nạn tham nhũng trong bộ máy quan lại, ông đã cho nghiêm trị những kẻ lợi dụng chức quyền để tham ô, nhũng nhiễu, ức hiếp dân lành (trong đó có cả những viên quan đầu tỉnh).

Thông qua những ghi chép trong mục *Thổ sản,* có thể hình dung về sự giàu có tài nguyên lâm, thổ sản của vùng Hưng Hóa như: tam thất, cánh kiến đỏ, ong mật, phượng hoàng đất,... Điều này cho thấy vùng biên viễn Hưng Hóa không chỉ là nơi "đất hiểm" mà còn là vùng "đất giàu" bởi các nguồn tài nguyên phong phú có "sức hút" mạnh mẽ với các thế lực khu vực [22, tr. 42]. Xen cài trong những ghi chép này là thông tin về các loại cây thuốc, cách trị bệnh, phép chữa trúng mũi tên độc,… được Phạm Thận Duật miêu tả rất cụ thể, sinh động. Điều đó cho thấy, tri thức y học dân gian (Đông y) đã khá phổ biến trong cư dân địa phương. Khảo cứu các tri thức dân gian về y học của ông cũng cho thấy, cùng với nguồn tri thức do triều đình phổ biến thì nguồn lực tri thức bản địa cũng đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của cư dân các vùng biên viễn. Quan điểm này cũng được nhà nghiên cứu Philippe Le Failler đồng thuận khi cho rằng, ở *Hưng Hóa ký lược* có hai câu chuyện cùng được diễn giải: cách nhìn quan phương của một vị lưu quan đại diện triều đình hòa quyện với những tri thức bản địa đã được Phạm Thận Duật tiếp nhận và trình bày tinh tế trong tác phẩm [28].

Cùng với đó, những ghi chép của Phạm Thận Duật về sự phân bố của các mỏ khoáng sản trong vùng (như mỏ vàng ở châu Mai Sơn, châu Sơn La, huyện Văn Chấn và châu Thủy Vĩ; mỏ đồng ở châu Lai; mỏ diêm tiêu ở châu Thuận,…) đã lý giải tại sao trong các thời kỳ trước đó, vùng đất này đã cuốn hút đến hàng vạn phu mỏ. Với số

[16] Theo Hoàng Thị Thu Hường, bản đồ do Phạm Thận Duật vẽ lại được bố trí ở các trang 34b và 35a của cuốn *Hưng Hóa ký lược* [6, tr. 53-54].

lượng hàng chục mỏ được khai thác trước đó, nguồn thuế các mỏ ở Hưng Hóa đã góp phần vào ngân sách chung của triều đình. Phan Huy Chú từng nhận xét: "mối lợi về hầm mỏ phần nhiều là ở các xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa,... Các mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc đáng giá không biết bao nhiêu của. Việc chi dùng của nhà nước sở dĩ được dồi dào, là do ở thuế các mỏ nộp đầy đủ" [29, tr. 263].

Tất nhiên, việc quản lý một khu vực giàu tài nguyên như vậy chắc chắn sẽ phải đối diện với một xã hội nhiều phức tạp. Theo ghi chép trước đó của Lê Quý Đôn, thì Hưng Hóa là một trong những nơi có đông đảo phu mỏ từ bên kia biên giới tràn sang. Tác giả cho biết, các phu mỏ gốc Hồ Nam "tính tình tham lam hung hãn, hay tranh cướp giết người" [25, tr. 389-390]. Lực lượng này vừa tiến hành các hoạt động khai mỏ vừa vận chuyển bất hợp pháp các loại khoáng sản về nước. Thực trạng đó không chỉ gây thất thoát tài nguyên mà còn tiềm ẩn nhiều hệ lụy tới xã hội như nạn di cư bất hợp pháp qua biên giới, trộm cướp, đánh giết lẫn nhau để tranh giành nguồn lợi. Trong tác phẩm, Phạm Thận Duật đã phản ánh về tình trạng trong các nhóm người di cư đến vùng này "có bọn côn đồ người Thanh rất hung hãn. Trước chúng vốn là bọn phu mỏ, nơi nào hết quặng, chúng tụ tập nhau lại kéo đi các châu, ăn mặc giả làm thương nhân, rồi vu vạ cho người ta. Bọn nọ đi, bọn kia đến, tới hàng trăm tên, bắt người tống tiền" [4, tr.184]. Những ghi chép của ông trong *Hưng Hoa ký lược* giúp cho triều đình có cái nhìn thực tế để đề ra quyết sách quản lý các nguồn tài nguyên tự nhiên ở các địa phương, đồng thời có những chính sách cụ thể đối phó với tình trạng mất an ninh đất nước.

4.3. Quản lý văn hóa và đời sống cư dân

Với tâm niệm "tôi tuy chức quan nhỏ ở châu, nhưng cũng là kẻ có trách nhiệm trong việc phát dương công đức giáo hóa của triều đình" [4, tr.94], trong thời gian làm quan ở Hưng Hóa, Phạm Thận Duật đã tập trung khảo cứu, góp phần giải mã những đặc trưng văn hóa, ngôn ngữ và văn tự dân tộc Thái và đồng bào thiểu số địa phương. Ông đã tìm ra một số đặc tính của ngôn ngữ Thái trong hệ thống các phương ngữ vùng Tây Bắc. Tuy còn có sự hoài nghi về việc ai là tác giả thực sự của những ghi chép chữ Thái cổ trong *Hưng Hóa ký lược* nhưng có thể khẳng định rằng, vào nửa sau thế kỷ XIX, thông tin về một số tộc người thiểu số ở vùng núi cao Tây Bắc đã được phổ biến trong giới trí thức Nho học, thậm chí đã lan tỏa đến một số tầng lớp bình dân.

Những ghi chép về chữ Thái (Thổ tự) và Từ ngữ Thái (Thổ ngữ) trong *Hưng Hóa ký lược* và cùng với đó là hướng dẫn chi tiết về cách phát âm, cách viết đến ý nghĩa từ vựng (được so sánh với chữ Hán) trong tác phẩm cho thấy tài năng và đóng góp quan trọng của Phạm Thận Duật trên phương diện ngôn ngữ học. Những ghi chép, khảo tả đó được cho đã đạt đến sự chuẩn mực của một công trình nghiên cứu khoa học hiện đại về ngôn ngữ. Qua đó chúng ta cũng thấy, chỉ trong một thời gian ngắn, Phạm Thận Duật đã hòa nhập và thấu hiểu sâu sắc đời sống văn hóa của cư dân địa phương. Những ghi chép trong *Hưng Hóa ký lược* về ngôn ngữ, văn tự của đồng bào Thái có thể được xem là "những tài liệu quý báu về chữ viết, thanh điệu, âm vận và từ vựng Thái ở vào thời kỳ nửa đầu thế kỷ XIX mà Phạm Thận Duật đã ghi chép được trên địa bàn Tây Bắc, nơi cư trú tập trung nhất của dân tộc Thái" [4, tr. 94].

Bên cạnh đó, các lớp thông tin trong mục *Đền chùa, Thành trì, Cổ tích* cũng cho thấy, Phạm Thận Duật không chỉ ghi chép cẩn trọng mà còn nắm rõ hệ dữ liệu về thời gian xây dựng đền miếu, tên các vị thần, vị thánh được thờ phụng cũng như số lượng và chất liệu các loại tượng thờ tại các di tích và cơ sở tôn giáo trong vùng. Là người đam mê thâm nhập đời sống thực tiễn, Phạm Thận Duật nắm chắc nhiều thông tin quan trọng về đời sống văn hóa địa phương. Hệ dữ liệu trong *Hưng Hóa ký lược* cũng cho thấy, việc kê khai, quản lý từng di tích ở các địa phương (ví như Hưng Hóa) đã được thực thi tương đối bài bản trước và trong thời kỳ nhà Nguyễn. Điều đáng chú ý là, những ghi chép khá chi tiết của Phạm Thận Duật trong mục *Cổ tích* cho thấy quá trình truyền bá khá mạnh các giá trị văn hóa của người Việt từ vùng châu thổ lên miền thượng du. Ngược lại, sự tiếp biến, giao thoa các giá trị văn hóa giữa vùng châu thổ sông

Hồng với đồng bào các dân tộc miền núi Tây Bắc đã diễn ra thường xuyên. Khi bình về bài thơ của Lê Lợi khắc trên vách núi cạnh sông Bờ thuộc châu Lai, Phạm Thận Duật đã dụng công khảo cứu nhiều bộ quốc sử và sách của các nhà để có cứ liệu xác thực. Những nghi vấn, phản biện của ông về nhiều nhân vật, sự kiện, phong tục, tập quán,... cho thấy sự nghiêm cẩn đặc biệt trong quá trình khảo cứu.

Cũng trong lĩnh vực văn hóa, ở mục *Phong tục tập quán,* trên cơ sở khảo cứu tác phẩm *Hưng Hóa lục,* Phạm Thận Duật đã truy cứu cụ thể về địa bàn cư trú, phong tục, tập quán, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của các tộc người trong vùng như Thái đen, Thái trắng, Nùng, Mán, Lào, Xiêm,… qua đó mà biết được: "tục truyền rằng dân Thái trắng ưa mặc màu trắng, dân Thái đen lại chuộng màu đen. Dân Thái trắng biết lễ nghĩa, còn dân Thái đen thì chất phác hơn" [4, tr. 183]. Mục này còn cung cấp nhiều thông tin quý về đời sống kinh tế của các tộc người thiểu số như canh tác bằng hình thức "đều chọc lỗ mà cấy, đốt rừng làm nương, không ở cố định một chỗ nào" [4, tr. 183]. Tác phẩm còn phản ánh sự khác biệt trong tập quán giữa các tộc người: "người Nùng, người Mán uống nước nóng, còn lại đều uống nước lạnh" [4, tr. 183], "họ chọn chỗ nào đất tốt, hào trưởng xã nào khéo phủ dụ thì cất nhà ở đó" [4, tr. 183-184],... Sự trải nghiệm của tác giả, được thể hiện qua những thông tin xác thực trong *Hưng Hóa ký lược* về đời sống tộc người đã tạo nên bức tranh sinh động phản ánh đặc trưng, truyền thống văn hóa của cư dân địa phương. Hệ tri thức thể hiện trong tác phẩm không chỉ giúp cho chính quyền có được cơ sở thực tế để đề ra các biện pháp quản lý hiệu quả mà còn cho thấy tinh thần cầu thị, gần dân, năng lực nắm bắt thực tế của Phạm Thận Duật khi về làm "lưu quan" ở miền Hưng Hóa. Như vậy, có thể xem chính sách "lưu quan" dưới triều Nguyễn là một giải pháp hữu hiệu hỗ trợ cho Luật Hồi tỵ[17], một biện pháp nhằm phòng ngừa nguy cơ hình thành các thế lực cát cứ địa phương và nạn tham nhũng.

Những nhận xét, miêu tả của Phạm Thận Duật về đặc tính của các tộc người vùng Hưng Hóa giúp nhiều nhà khoa học, trong đó có một số học giả quốc tế, như Bradly Camp David[18], khắc họa về ông như hình mẫu của một viên quan lại cấp tiến trong việc góp phần xây dựng hệ tiêu chí căn bản để phân loại tộc người [31]. Phạm Thật Duật không chỉ phát huy tối đa hiệu quả của cuộc cải cách hành chính được Minh Mạng xác lập cách đó hơn hai thập kỷ (1831-1832) mà còn thu được một số thành tựu trong việc thiết lập và thực thi cách thức quản lý vùng thượng du, chuẩn hóa việc quản lý dân cư và các quan hệ xã hội nhiều phức tạp. Qua đó cũng thấy, Phạm Thận Duật được nhìn nhận là một người luôn nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong thực thi chính sách. Vào thế kỷ XIX, ông là một trong những người đi tiên phong trong việc gia tăng hệ tri thức của triều đại lên các vùng núi cao. Ông đã có nhiều nỗ lực để xác lập bản đồ, khẳng định địa danh, cương giới ở vùng biên viễn, đồng thời bước đầu cho thống kê dân số, san định địa bạ, xây dựng hệ tiêu chí phân định tộc người,... để từ đó cuốn hút các vùng miền vào thiết chế quản lý và dòng chảy chung của vương triều, đất nước.

5. Nhận xét và kết luận

Qua những ghi chép trong *Hưng Hóa ký lược,* có thể thấy Phạm Thận Duật là một quan lại - trí thức tiêu biểu. Nhận thức rõ những thách thức, hiểm nguy nhưng ông đã không quản ngại gian khổ dấn thân đến miền lam chướng, thực thi một cách linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, chính sách của triều Nguyễn nhằm giữ vững biên cương đất nước. Ông đã có thái độ thực sự cầu thị, tôn trọng những giá trị khác biệt trong truyền thống văn hóa của đồng bào Thái và nhiều tộc người thiểu số vùng cao. Điều đáng trân trọng là, nhà trí thức yêu nước đã thấy trong không gian văn hóa Tuần Giáo - Hưng Hóa những tiềm năng, giá trị của nguồn tài nguyên nhân văn, văn

[17] Luật Hồi ty xuất hiện từ triều đại nhà Tùy ở Trung Hoa và xuất hiện ở Đại Việt từ đời Hồng Đức (1460-1497). Dưới triều Nguyễn, luật Hồi ty được thực thi từ đời Minh Mạng (1820-1841) và trở thành những quy tắc được áp dụng phổ biến cho những đời vua sau này như Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái,... [30].

[18] Bradly Camp David là PGS.TS của trường Đại học Eastern Connecticut State University, Hoa Kỳ.

hóa. Vì thế có thể cho rằng, Phạm Thận Duật là một trong những người tiên phong, đi sâu tìm hiểu, khảo cứu các giá trị văn hóa đặc sắc của không gian văn hóa Hưng Hóa - Tây Bắc, Việt Nam.

Trong *Hưng Hóa ký lược*, Phạm Thận Duật đã thể hiện những phẩm cách nổi trội của một bộ phận quan lại - trí thức, dũng cảm vượt lên những lợi ích, định chế của thể chế chính trị quan liêu để gánh vác trọng trách với đất nước. Ông và nhiều nhân vật cùng thời (như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trách,...) đã góp phần sáng tạo nên hệ tri thức mới, đem lại những giá trị mới, đồng thời mở rộng tầm nhìn cho một bộ phận xã hội. Trước những biến chuyển lớn của thời đại và mối nguy mất nước, thấu hiểu tình hình đất nước và cuộc sống, nỗi thống khổ của nhân dân, Phạm Thận Duật đã dần hòa mình với trào lưu yêu nước của dân tộc. Tư tưởng trung quân đã hòa nhập với tư tưởng yêu nước và khát vọng đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự do cho đất nước.

Về cơ bản, chính sách của triều Nguyễn với các vùng biên viễn đã kế thừa nhiều chính sách của các triều đại trước như Lý, Trần, Lê,... Đến thế kỷ XIX, vương triều Nguyễn đã thực thi các chính sách với vùng biên viễn trên một phạm vi rộng lớn, với mức độ tập trung cao và có phần mạnh mẽ hơn so với các triều đại trước. Thể chế chính trị tập quyền đã huy động nguồn lực của đất nước, phái cử nhiều quan lại tâm huyết, tài năng về cai quản các vùng biên giới, "điểm nóng" về an ninh. Nhìn chung, chế độ lưu quan của triều Nguyễn là một giải pháp để thay thế chế độ thổ quan, đồng thời vươn tầm quản lý trực tiếp đến các địa phương. Để khẳng định quyền uy của triều đại, giữ vững chủ quyền, an ninh đất nước của một quốc gia thống nhất, triều đình Huế đã thực thi nhiều biện pháp, trong đó có cả những biện pháp quân sự ở các địa phương. Trong điều kiện nhà nước Đại Nam ngày càng phải đối chọi với nhiều thách thức chính trị trong nước cùng áp lực chính trị của các thế lực phương Tây, triều Nguyễn đã đặt mục tiêu bảo vệ địa vị chính trị, lợi ích của vương triều lên trên hết. Đó là nguyên nhân cơ bản khiến cho lợi ích của giai cấp không còn hòa đồng với lợi ích dân tộc. Nhà Nguyễn đã không thể tập trung, huy động được sức mạnh của đất nước, nguồn lực của xã hội và dần mất đi vị thế của một vương triều, quốc gia thống nhất, có nhiều ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

Tài liệu tham khảo

[1] N. V. Huyen, The First Step to Learn about Pham Than Duat's Life and Career, in Pham Than Duat Complete Collection, Information Culture Publishing House, Hanoi, 2000.

[2] D. X. Lam, P. T. Duat, Life and Works, History Research Journal, No. 255, 1991, pp. 89.

[3] P. H. Le, Pham Than Duat's Life and Career, Past and Present Journal, No. 81, 2000, pp. A.

[4] Pham Than Duat Complete Volume, Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2000.

[5] P. H. Toan, Compileing Geographical Books and Developing Geological Documents in Vietnam, Vietnam Library Magazine, Vol. 3, No. 35, 2012, https://iems.edu.vn/bien-soan-sach-dia-chi-va-xay-dung-tai-lieu-dia-chi-o-viet-nam (accessed on: April 10th, 2022).

[6] H. T. T. Huong, Research on Hung Hoa kyphology – Remaining values, Master's Thesis in Literature, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, 2008.

[7] V. D. Liem, Finding a Vietnam between the Borders: An Introduction to Two New Studies on Hung Hoa Ky Luat and Pham Than Duat, Past & Present Journal, No. 525, 2020, pp. 31.

[8] K. Baldanza, Books without Borders: Pham Than Duat (1825–1885) and the Culture of Knowledge in Mid-Nineteenth-Century Vietnam, The Journal of Asian Studies, Vol. 77, No. 3, 2018, pp. 713-740, https://doi.org/10.1017/S0021911818000499.

[9] P. V. Cac, Hung Hoa Summary - A Special Local Book by Pham Than Duat, Past and Present Journal, No. 81, 2000, pp. D.

[10] Nguyen Trai Complete Volume, Literature Publishing House - Center for National Studies, Hanoi, Vol. 2, 2001, pp. 454.

[11] Institute of History, Vietnam History (From the 10th to the 14th Century), Social Science Publishing House, Hanoi, Vo. 2, 2013, pp. 63.

[12] N. V. Kim, The External Position of Thang Long - Dai Viet with Southeast Asian Countries During the Ly - Tran Dynasties, in: Vietnam in Regional and International Relations, Vietnam National University Publishing House, Hanoi, 2019, pp. 88-89.

[13] V. T. Giang, Policies Towards Ethnic Minorities of the Ly, Tran, and Le Dynasties, Journal of Theoretical Education, No. 271, 2018, pp. 41.

[14] N. M. Tuong, The Border Policy of Dai Viet in the Early Le Dynasty, Past & Present Journal, No. 307, 2008, pp. 23.

[15] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Thuc Luc, Vol. 1, 2002, pp. 503.

[16] N. V. Kim, Son La - Northwest - North Indochina: Potential and Position, Vietnam National University, Hanoi, 2021, pp. 141.

[17] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Thuc Luc, Vol. 2, 2022.

[18] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Thuc Luc, Vol. 4, 2007.

[19] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Thuc Luc, Vol. 3, 2007.

[20] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Nhat Thong Chi, Thuan Hoa Publishing House, 1997.

[21] National History of the Nguyen Dynasty, Dai Nam Thuc Luc, Vol. 6, 2007.

[22] N. K. Xuong, The Land of An Tay Government in Hung Hoa Town in the Le Mat Dynasty, Journal of Historical Research, No. 220, 1985, pp. 42.

[23] L. Q. Don, K. V. T. Luc, Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2007.

[24] P. H. Chu, Legends of Charters of Dynasties, 1, Education Publishing House, Hanoi, Vol, 2007.

[25] K. Baldanza, Books without Borders: Pham Than Duat (1825–1885) and the Culture of Knowledge in Mid-Nineteenth-Century Vietnam, Past and Present Journal, No. 525, 2020, pp. I-XV.

[26] C. Thau, A Stick of Incense in Memory of Pham Than Duat, Past & Present, No. 247, 2022, pp.3.

[27] L. D. Sy, The Contributions of Pham Than Duat in the Field of Military and National Defense, Past and Present, No. 247, 2005, pp. 5.

[28] N. V. Anh, The Famous Pham Than Duat and a Vietnam Between the Borders, Electronic People, November 30, 2020.

[29] P. H. Chu, Legends of Charters of Dynasties, Social Sciences Publishing House, Vol. 2, 1992.

[30] N. M. Tuan, T. T. Kiet, Law of the Nguyen Dynasty and Reference Values in Anti-Corruption in Vietnam Today, Journal of Legislative Research No. 15, 2020, pp. 415.

[31] B. C. David, The Production of Peoples: Emperial Ethnography and the Changing Conception of Uplands Space in Nineteenth century Vietnam, The Asia Pacific Journal of Anthropology, Vol. 16, No. 4, 2015, pp. 324, in Vu Duc Liem, Finding a Vietnam between the Borders: An Introduction to Two New Studies on Hung Hoa Ky Luat and Pham Than Duat, Past & Present Journal, No. 525, 2020.